TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 20-7-2023
"V/v: *Tranh chấp hợp đồng sửa nhà".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Đoàn Minh Hương.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và ông Nguyễn Sơn.
Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST – DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng sửa nhà", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐ-DS ngày 20-6-2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn P, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ dân phố 05, thị trấn K, huyện Đắk R, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ dân phố 05, thị trấn K, huyện Đắk R, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ dân phố 05, thị trấn K, huyện Đắk R, tỉnh Đắk Nông.

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ dân phố 05, thị trấn K, huyện Đắk R, tỉnh Đắk Nông.

(Đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn P trình bày:

Khoảng năm 2020-2021, bà T thuê ông P sửa nhà, nhưng không lập giấy tờ, không ai chứng kiến, chỉ thỏa thuận bằng miệng. Bà T đã thanh toán cho ông P một số tiền, ông P không còn nhớ cụ thể vì thời gian đã lâu.

Sau khi sửa nhà xong, bà T tự tính toán và xác định còn thiếu ông P số tiền khoảng 122.450.000đ. Ông yêu cầu nhiều lần nhưng bà T không trả. Ngày 18-02-2022, tại Công an thị trấn Kiến Đức bà T tự tính toán và xác định số tiền còn nợ ông P là 122.450.000đ. Bà T tự viết và ký tên trong giấy tay cam kết còn nợ ông P số tiền trên và hẹn ngày 20-12-2022 sẽ trả.

Đến hẹn ngày 20-12-2022, bà T không trả số tiền còn nợ như cam kết, nên ông P khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền còn nợ là 122.450.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Quá trình giải quyết, bị đơn bà Trương Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận khoảng đầu năm 2021 bà T có sửa nhà tại Tổ dân phố 05, thị trấn K, huyện Đắk R. Do là chỗ quen biết nên bà T đã thuê ông Phan Văn P sửa nhà. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập văn bản hay hợp đồng nào. Khi cần mua vật liệu hoặc bất cứ việc gì cần cho việc sửa nhà thì bà T đưa tiền cho ông P để đi mua. Đến cuối năm 2021 thì hoàn tất sửa nhà.

Tổng số tiền sửa nhà bà T xác định là 383.228.000đ, quá trình sửa nhà, bà T đã thanh toán cho ông P 355.000.000đ, hiện tại còn thiếu 28.228.000đ.

Việc thanh toán chỉ diễn ra giữa ông P và bà T, trả tiền trực tiếp, không viết giấy biên nhận, không ai chứng kiến. Bà T khẳng định hiện nay còn nợ ông P số tiền 28.228.000đ.

Toàn bộ số tiền đã thanh toán cho P là tiền cá nhân riêng của bà T, không liên quan đến chồng bà T là ông Nguyễn Văn Th và các thành viên khác trong gia đình. Đề nghị không đưa người khác vào tham gia tố tụng.

Tuy nhiên, đầu năm 2022, ông P yêu cầu bà T phải trả số tiền còn nợ là 122.450.000đ, ông P gửi đơn đến Công an thị trấn Kiến Đức. Do đó ngày 18-02-2022, tại Công an thị trấn Kiến Đức, bà T đã tự viết và ký tên trong giấy viết tay đề ngày 18-02-2022. Sau khi viết giấy và làm việc tại Công an thị trấn, bà T đã yêu cầu Công an điều tra làm rõ việc bà T thanh toán 355.000.000đ cho ông P, nhưng Công an thị trấn không thực hiện theo yêu cầu của bà T và trả lời rằng đây là giao dịch dân sự, là sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, vì cũng không có giấy tờ gì chứng minh bà T đã cho ông P ứng và thanh toán cho ông P tổng số tiền 355.000.000đ.

Đến nay, bà T cũng chưa trả thêm cho ông P số tiền nào. Với yêu cầu khởi kiện của ông P thì bà T không đồng ý.

Tuy nhiên, về việc đã trả cho ông P số tiền 355.000.000đ, thì bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Nên nếu trường hợp không chứng minh được việc đã thanh toán số tiền này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Tại buổi hòa giải:

Nội dung thống nhất:

Các bên đều thừa nhận năm 2021 ông P sửa nhà cho bà T. Bà T đã thanh toán cho ông P một khoản tiền. Bà T thuê ông P sửa nhà cũng không lập hợp đồng, khi thanh toán hay đưa tiền mua vật liệu cũng không lập giấy tờ, không ký bất cứ văn bản nào, không ai chứng kiến.

Sau khi sửa nhà xong, bà T tự tính toán và xác định còn thiếu ông P số tiền khoảng 122.450.000đ.

Các bên đều thừa nhận nội dung trong giấy, chữ viết thể hiện nội dung: Ngày 18-02-2022 tại Công an thị trấn Kiến Đức, giữa bà T và ông Phan Văn P được mời lên làm việc về yêu cầu trả nợ của ông P đối với bà T. Tại đây, bà T đã tự nguyện viết giấy cam kết xác định còn nợ ông P số tiền 122.450.000đ (một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Bà T là người viết và ký vào giấy viết tay. Lý do bà T viết là do cán bộ Công an giải thích rằng bà T phải tự nguyện trả số tiền trên cho ông P, vì đây là giao dịch dân sự giữa các bên.

Việc viết giấy và nợ tiền chỉ diễn ra giữa ông P và bà T, không liên quan đến bất cứ thành viên nào trong gia đình hai bên. Đề nghị Tòa án không đưa người khác vào tham gia tố tụng.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Ngoài ra, không có yêu cầu, không ý kiến gì khác. Cam đoan không khiếu nại.

Nội dung không thống nhất:

- Nguyên đơn ông Phan Văn P

Ông P không đồng ý việc bà T trình bày hiện nay chỉ còn nợ 28.228.000đ nếu có, yêu cầu bà T cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh. Ông P xác định bà T còn nợ ông số tiền 122.450.000đ. Nên khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền 122.450.000đ, không yêu cầu lãi suất.

- Bị đơn bà Trương Thị T

Bà T thừa nhận số tiền phải thanh toán cho ông P theo bà T tự xác định là 383.228.000đ. Bà đã trả cho ông P 355.000.000đ. Hiện tại còn thiếu số tiền 28.228.000đ. Việc trả số tiền 355.000.000đ, bà cũng không lập giấy tờ, không ai chứng kiến.

Sau khi sửa nhà, bà T tự tính toán và xác định còn thiếu ông P số tiền 122.450.000đ, bà đã thanh toán số tiền 94.222.000đ và chỉ còn thiếu 28.228.000đ, nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Do không chứng minh được việc mình đã trả tiền và hiện chỉ còn nợ ông P số tiền 28.228.000đ, với yêu cầu khởi kiện của ông P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày

Ông Nguyễn Văn Th

Việc bà T và ông Phan Văn P có thỏa thuận sửa nhà như thế nào, vay mượn tiền, thời hạn trả, đã thanh toán như thế nào thì ông Th không biết rõ. Việc vay mượn hay thỏa thuận gì về số tiền sửa nhà giữa ông P và bà T, ông Th không liên quan, đề nghị Tòa án không đưa ông Th tham gia tố tụng. Ông Th không biết việc hai bên lập giấy nợ, giấy vay tiền như thế nào, có nội dung ra làm sao.

Bà Nguyễn Thị V

Bà có nghe nói việc bà T thuê ông P sửa nhà. Tuy nhiên, trước giờ công việc của ông P bà không can thiệp. Việc ông P và bà T thỏa thuận sửa nhà, vay mượn hay thanh toán như thế nào, bà không được biết, không liên quan tài sản chung gia đình,

không liên quan tài sản của bà. Bà không liên quan việc thỏa thuận sửa nhà hay việc vay mượn giữa ông P và bà, đề nghị Tòa án không đưa bà tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến đến khi xét xử vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Phúc

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền:

Bà Trương Thị T là bị đơn trong vụ án có địa chỉ trú tại Tổ dân phố 05, thị trấn K, huyện Đắk R, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện thì Tòa án đã thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, qua lời khai trình bày đương sự đã làm rõ được năm 2021 bà Trương Thị T có thỏa thuận hợp đồng sửa nhà bằng lời nói với ông Phan Văn P. Ông P khởi kiện yêu cầu bà T trả cho ông P tiền sửa nhà còn thiếu (gồm tiền công, vật liệu), nên xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng sửa nhà" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 01 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn P

Năm 2021, ông Phan Văn P sửa nhà cho bà Trương Thị T. Bà T đã thanh toán cho ông P một khoản tiền. Sau khi sửa nhà xong, ngày 18-02-2022 bà T tự tính toán và xác định còn thiếu ông P số tiền 122.450.000đ và tự viết giấy cam kết thời hạn trả là ngày 20-12-2022. Đến hạn, dù ông P đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà T chưa trả số tiền trên. Ông P khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 122.450.000đ, không yêu cầu trả lãi suất.

Xét thấy, mặc dù hợp đồng sửa nhà giữa hai bên không lập thành văn bản nhưng đã được cả hai bên thừa nhận và nội dung hợp đồng không vi phạm pháp luật nên được công nhận.

Quá trình giải quyết, các bên đều thừa nhận năm 2021 ông P sửa nhà cho bà T. Sau khi sửa nhà xong, bà T tự tính toán và xác định còn thiếu ông P số tiền 122.450.000đ. Các bên đều thừa nhận nội dung trong giấy, chữ viết thể hiện nội dung: Ngày 18-02-2022 tại Công an thị trấn Kiến Đức, ông P và bà T được mời lên làm việc đối với việc ông P yêu cầu bà T trả tiền. Tại đây, bà T đã tự nguyện viết giấy cam kết xác định còn nợ ông P số tiền 122.450.000đ. Bà T là người viết và ký vào giấy viết tay. Lý do bà T viết là do cán bộ Công an giải thích rằng bà T phải tự nguyện trả số tiền trên cho ông P, vì đây là giao dịch dân sự giữa các bên. Việc viết giấy và nợ tiền là giữa bà T và ông P chỉ diễn ra giữa ông P và bà T, không liên quan đến bất cứ thành viên nào trong gia đình hai bên. Đề nghị Tòa án không đưa người khác vào tham gia tố tụng. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Nội dung giấy viết tay còn thể hiện: Việc viết giấy thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, bà T không bị ai ép buộc gì, bà T trong tình trạng sức khỏe bình thường, tinh thần minh mẫn, nếu vi phạm không trả tiền đúng thời hạn xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: "*Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều được biết và được Tòa án thừa nhận*".

Bản thân bà T cũng thừa nhận: Tại Công an thị trấn ngày 18-02-2022, do không có giấy tờ gì chứng minh bà T đã trả tiền cho ông P, nên bà T phải tự nguyện viết giấy cam kết và tự nguyện trả nợ. Từ ngày viết giấy đến nay, bà T cũng chưa trả thên cho ông P số tiền nào. Do không chứng minh được việc mình đã trả tiền và hiện chỉ còn nợ ông P số tiền 28.228.000đ, với yêu cầu khởi kiện của ông P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài giấy viết tay đề ngày 18-02-2022, giữa các bên không thiết lập bất cứ tài liệu gì về nội dung bà T chỉ còn nợ ông P số tiền 28.228.000đ như bà T trình bày.

Chồng bà T là ông Nguyễn Văn Th và vợ ông P là bà Nguyễn Thị V cũng không ai biết rõ về thỏa thuận vay mượn hay số tiền chưa thanh toán nào giữa ông P và bà T.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ liên quan, theo biên bản xác minh ngày 17-5-2023 tại Công an thị trấn Kiến Đức cũng chỉ thể hiện ngày 18-02-2022 giữa ông Phan Văn P và bà Trương Thị T có đến Công an thị trấn để giải quyết mâu thuẫn trong việc mua bán vật liệu xây dựng, nhận thấy đây là giao dịch dân sự nên Công an thị trấn hướng dẫn ông P và bà T liên hệ Tòa án để giải quyết. Biên bản xác minh không thể hiện số tiền còn nợ cụ thể như thế nào giữa ông P và bà T.

Do đó, việc bà T cho rằng bà chỉ còn nợ ông P số tiền 28.228.000đ, là không có căn cứ. Bà T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được cho yêu cầu của mình.

Khoản 1, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

" 1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp, ...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc."

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng bà T còn thiếu cho ông P số tiền sửa nhà là 122.450.000đ, nhưng đến nay chưa thanh toán là vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, việc ông P yêu cầu bà T trả cho P số tiền 122.450.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 280, 357, 385 và Điều 401 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị T phải trả cho ông Phan Văn P số tiền 122.450.000đ, không yêu cầu lãi suất.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 280, 357, 385 và Điều 401 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn P đối với bà Trương Thị T.

Buộc bà Trương Thị Thể phải trả cho ông Phan Văn P số tiền 122.450.000đ (một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), không yêu cầu lãi suất.

Kể từ ngày ông Phan Văn P có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà Trương Thị T còn phải trả cho ông Phan Văn P tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Trương Thị T phải nộp 6.122.500đ (sáu triệu một trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phan Văn P số tiền 3.061.000đ (ba triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005224 ngày 16-02-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đoàn Minh Hương

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đoàn Minh Hương